TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2024/HC-PT
Ngày: 04/6/2024.
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Võ Hồng Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 785/2023/HC-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 328/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5759/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1958; Trú tại: đường P, phường M, quận B, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988; Trú tại: đường P, phường M, quận B, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970; Địa chỉ: phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch UBND huyện H, Hà Nội; Địa chỉ: xã G, huyện H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng T1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H. Ông Nguyễn A, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền: Giấy ủy quyền số 122/GUQ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện H; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2 Chủ tịch UBND xã D, huyện H, Hà Nội.

2.3 UBND xã D, huyện H, Hà Nội; Địa chỉ: xã D, huyện H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Tiến Q, chức vụ: Chủ tịch UBND xã D, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1964; Trú tại: phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Hà Mạnh T2, sinh năm 1991; Địa chỉ: khu đô thị M, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng B trình bày:

Sinh thời, ông bà nội của ông B là cụ Nguyễn Văn D và cụ Lý Thị K có một thửa đất (có làm nhà trên đất) với tổng diện tích hơn 683m^2 tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thôn D, xã D, huyện H, Hà Nội.

Các cụ có 08 người con chung gồm: Nguyễn Thị N, sinh năm 1917, chết năm 2011; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1919, chết năm 1978; Nguyễn Thị B1, sinh năm 1924, chết năm 2012; Nguyễn Văn D1, sinh năm 1930, hy sinh năm 1950 (Liệt sỹ); Nguyễn Văn T3, sinh năm 1933, chết ngày 06/7/2021; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1935; Nguyễn Tuấn U, sinh năm 1938, chết năm 1994; Nguyễn Thị Ấ, sinh năm 1945.

Vào năm 2012-2013, các con đẻ của hai cụ chỉ còn lại 03 người là hàng thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Ấ nên cả 03 đã họp bàn và thống nhất giao toàn bộ nhà đất cho ông T3 quản lý sử dụng, sở hữu để làm nơi thờ cúng các cụ và chăm sóc bà Ấ cho đến khi bà Ấ qua đời.

Sau đó, ông Nguyễn Văn T3 đã làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất; ngày 17/6/2013, UBND huyện H đã cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 186362 cho ông T3.

Ngày 22/8/2013, ông T3 đã bí mật làm hợp đồng tặng cho bất động sản nêu trên cho ông Nguyễn Anh M. Ngày 25/9/2013, ông Nguyễn Anh M được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số BP525245 (cấp tên ông Nguyễn Anh M).

Cuối năm 2016, ông M dẫn người về xem nhà đất để bán thì lúc này gia tộc mới phát hiện việc ông T3 đã được chính quyền cấp GCNQSD đất, biết việc

ông T3 đã tặng cho ông M và ông M đã sang tên đứng tên nhà đất tại thời điểm đó. Do ông Tân t cho ông M với mục đích để ông M giữ gìn mảnh đất hương hỏa của cha ông, làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên nhưng ông M lại có ý định bán nhà đất hương hỏa cho người khác nên ông T3 đã gửi đơn lên UBND xã D để đòi lại nhà đất. Sau khi nhận đơn, UBND xã D có tổ chức hòa giải vào các ngày 26/12/2016 và 20/01/2017 nhưng ông M cố tình vắng mặt.

Đến tháng 10/2017, chị Trương Thị Thanh T4 và chị Trương Thúy N1 là cháu ngoại của ông Nguyễn Văn D1 (liệt sỹ là con thứ 4 của ông bà nội ông B và cũng là anh trai của bố ông B) đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho ông M và hủy cả GCNQSD đất đã cấp cho ông T3. Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2018/HC-ST ngày 30/8/2018 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã bác yêu cầu khởi kiện của chị T4 và chị N1. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị T4 và chị N1 có kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có kháng nghị, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chị T4 và chị N1. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 64/2020/HC-PT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy 02 GCNQSD đất đã cấp cho ông M và cho ông T3.

UBND huyện H đã căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 64/2020/HC-PT ngày 15/5/2020, ban hành Quyết định số 5739/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 thu hồi các GCNQSD đất đã cấp cho ông T3 và cấp cho ông M theo quy định. Sau đó, UBND huyện H tiếp tục ban hành Quyết định số 891/QĐ- UBND ngày 09/3/2021 hủy GCNQSD đất đã cấp cho ông M.

Bên cạnh đó, sau khi có bản án phúc thẩm, những người thừa kế hàng thứ nhất và người thừa kế thế vị của các cụ D và cụ K đã có Văn bản thỏa thuận ngày 08/7/2020 và ngày 13/8/2020 (được lập Vi bằng tại Văn phòng Thừa phát lại T vào ngày 13 và 15/8/2020) tự nguyện giao cho ông B được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt, xây dựng tôn tạo diện tích đất làm một phần nhà trên đất để thờ cúng tổ tiên, được liên hệ làm việc xin cấp GCNQSD đất và cấp phép xây dựng nhà cửa, nhà thờ... Thực hiện ý nguyện của những người thừa kế hợp pháp của cụ D và cụ K, ông B có đến làm việc tại UBND xã D xin đã phá dỡ nhà cũ trên đất và xây dựng nhà mới để lấy chỗ thờ cúng tổ tiên ông bà cho khang trang theo ý nguyện chung của tất cả con cháu.

Để triển khai việc xây dựng, ông B liên hệ với ông Vương Ngọc T5 là Phó Chủ tịch xã D. Ông T5 bảo ông B sang gặp ông D2 (Cán bộ địa chính xã D) và ông D2 giới thiệu Công ty CP tư vấn thiết kế khảo sát đo đạc và bản đồ để lập Hồ sơ kỹ thuật thửa đất để cho xây dựng theo quy định. Ông B đã thuê và nộp tiền cho Công ty này để Công ty tiến hành đo đạc địa chính, cấp cho ông B Hồ sơ kỹ thuật thửa đất của thửa đất làm cơ sở xin phép xây dựng. Tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, các ông đã chủ động phân đo thửa đất làm 02 phần, một phần thửa đất ký hiệu 232-1 có diện tích 150m^2 và một phần thửa đất ký hiệu 232-2 có

diện tích 533m^2. Nếu tính theo suất thừa kế 684m^2 chia 08 kỷ phần thì ông Nguyễn Văn T3 được hưởng 85,5m^2 và ông M là 01 trong 03 người con chỉ được hưởng 28,5m^2. Tuy nhiên với thiện chí, tránh tranh chấp bất hòa trong họ tộc thì chúng tôi chủ động để cho ông M hưởng phần thửa đất ký hiệu 232-1 có diện tích 150m^2. Số diện tích còn lại 533m^2 phần thửa 232-2 thì trên diện tích này đang để bà Nguyễn Thị Ấ ở và còn làm nhà thờ mới. Hồ sơ kỹ thuật thửa đất này lập ngày 19/4/2021 được nộp cho UBND xã D và xã hoàn toàn biết việc phân định này đã là bảo đảm quyền lợi nhiều hơn nhiều lần cho ông M.

Sau khi có Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, ông B đã nộp hồ sơ xin phép xây dựng theo hướng dẫn của xã gồm CMND, Sổ HKTT, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, các Vi bằng số 1810 ngày 13/8/2020 và số 1836 ngày 15/8/2020 (chứng minh sự cho phép của các đồng thừa kế/thừa kế thế vị của cụ D và cụ K cho ông B) để chính quyền cho phép tháo dỡ công trình, xây dựng mới. Ở thời điểm đó, cán bộ xã cho biết do địa phương chưa lên phường, mới là chính quyền xã nên không có thủ tục cấp phép xây dựng, người dân chỉ cần nộp hồ sơ và thông báo khởi công công trình theo hướng dẫn là được xây dựng. Vì vậy, sau khi nộp đủ hồ sơ cho UBND xã, được tiếp nhận không có yêu cầu gì khác thì ông B được ông D2 nói nhân viên in mẫu Thông báo khởi công công trình cho ông B điền vào để nộp ngay cho UBND xã D vào ngày 23/4/2021. Toàn bộ việc chấp hành tuân thủ của ông B theo hướng dẫn của chính quyền xã D đều được thể hiện qua ý kiến thừa nhận của ông Nguyễn Viết D3 ngay tại Biên bản làm việc ngày 01/5/2021. Sau đó, ông B hỏi cán bộ xã còn có ý kiến hay hướng dẫn gì khác, thì ông Vương Ngọc T5 và cán bộ địa chính xã cho biết ông B đã làm đủ thủ tục theo hướng dẫn thì đủ điều kiện xây dựng. Vì vậy, ông B đã tiến hành phá dỡ nhà thờ (05 gian nhà chính) trên đất để xây dựng nơi thờ cúng các cụ, còn bếp và nhà ngang thì vẫn giữ để bà Ấ ở.

Sau nhiều ngày khi tháo dỡ xong, hàng tuần liền phải tiến hành dọn dẹp mặt bằng để chuẩn bị làm móng thì ngày 01/5/2021, UBND xã D lại xuống lập biên bản yêu cầu dừng tổ chức xây dựng vì lý do ông M có đơn tố cáo gia đình ông B hủy hoại tài sản. Do UBND xã đã hướng dẫn thủ tục, ông B đã tuân thủ làm theo hướng dẫn, đã tháo dỡ nhà và gửi Thông báo khởi công công trình nhưng chính quyền không có ý kiến phản đối hay thông báo không cho phép, để cho ông B phá dỡ nhà xong nhiều ngày rồi, đến khi chuẩn bị làm móng và xây dựng theo thông báo khởi công công trình thì chính quyền xã mới nhận được đơn tố cáo của ông M và yêu cầu ông B dừng xây dựng. Như vậy, nhà thờ bị phá dỡ, không nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, hiện trạng tan hoang, đã thuê phá dỡ, thuê bốc di dời phế liệu rất tốn kém, tiền đặt cọc nguyên vật liệu để xây dựng mất trắng... Những thiệt hại này thực sự gây tổn thất rất lớn cho gia đình ông B.

Ngày 28/5/2021, ông B có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND xã D. Nội dung khiếu nại đối với hành vi hành chính của UBND xã lập Biên bản dừng thi công xây dựng ngày 01/5/2021, khiếu nại hành vi hành chính chậm giải quyết đơn của ông B và hành vi hành chính của Chủ tịch xã L không thực hiện đúng công vụ trong việc giải quyết đơn thư của công dân. Đến ngày 17/7/2021,

Chủ tịch UBND xã D mới ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông B, có nội dung: UBND xã lập biên bản tạm ngừng thi công là đúng; việc khiếu nại chậm giải quyết đơn khiếu nại đúng một phần nhưng lý do phải thu thập hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan và việc khiếu nại hành vi công vụ của ông Lý Tiến Q là không có cơ sở; tại phần quyết định của Quyết định số 185/QĐ-UBND không quyết định gì về nội dung khiếu nại mà lại giao cán bộ địa chính xã tham mưu văn bản trả lời khiếu nại của ông B.

Không đồng ý với Quyết định số 185/QĐ-UBND, ông B tiếp tục có Đơn khiếu nại lần hai ngày 30/7/2021 gửi Chủ tịch UBND huyện H. Ngày 16/5/2022, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 giải quyết khiếu nại lần 2, có nội dung: Giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã D đối với hành vi hành chính của UBND xã lập biên bản tạm dừng việc thi công xây dựng ngày 01/5/2021; hủy kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã D đối với nội dung tôi khiếu nại hành vi hành chính chậm giải quyết đơn thư (từ ngày 01/5/2021 đến ngày 02/7/2021 UBND xã vẫn chưa giải quyết) và khiếu nại hành vi hành chính thực hiện công vụ của ông Lý Tiến Q là Chủ tịch xã.

Ông Nguyễn Trọng B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Hủy Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H giải quyết khiếu nại lần 2.

Yêu cầu xem xét Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D, huyện H, Hà Nội giải quyết khiếu nại lần đầu.

Yêu cầu chính quyền các cấp bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra cho gia đình ông B theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2023, ông Nguyễn Trọng B có Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ 02 quyết định hành chính gồm: Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai); Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu); Hành vi hành chính của UBND xã D lập Biên bản tạm dừng việc xây dựng ngày 01/05/2021.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H trình bày: Ông Nguyễn Trọng B gửi đơn đến UBND xã D khiếu nại các nội dung sau: Khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã D lập biên bản tạm dừng việc xây dựng ngày 01/5/2021 của gia đình ông B; hành vi hành chính của UBND xã D về việc chậm giải quyết đơn thư (từ ngày 01/5/2021 đến ngày 02/7/2021 UBND xã vẫn chưa giải quyết đơn đề nghị của ông B); hành vi hành chính của UBND xã D do người đại diện theo pháp luật là ông Lý Tiến Q là Chủ tịch UBND xã D đã không thực hiện nhiệm vụ công vụ của mình trong việc thực hiện giải quyết trả lời đơn của ông B

(đơn kiến nghị đề nghị UBND xã trả lời về việc UBND xã đã yêu cầu gia đình ông B dừng thi công công trình) theo trách nhiệm và thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận đơn của công dân, Chủ tịch UBND xã D đã ban hành thông báo thụ lý, tiến hành giải quyết khiếu nại và ngày 17/7/2021, Chủ tịch UBND xã D đã ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông B. Ông B không đồng ý Quyết định số 185/QĐ-UBND và tiếp tục khiếu nại.

Qua xác minh cho thấy thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2 thôn D, xã D là đất ở nông thôn có nguồn gốc là của cụ D và cụ K. Cụ D và cụ K sinh được 08 người con; 02 cụ mất không để lại di chúc về việc phân chia tài sản. Năm 2012, ông T3 đã làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2 và đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số BN186362 ngày 17/6/2013 đứng tên ông T3. Sau đó, ông T3 làm thủ tục tặng cho anh M toàn bộ thửa đất, anh M đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số BP525245 ngày 25/9/2013.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 64/2020/HC-PT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên hủy GCNQSD đất do UBND huyện H cấp cho ông T3 và anh M. Ngày 15/9/2020, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 5739/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất số BN 186362 do UBND huyện H cấp ngày 17/6/2013 cho ông Nguyễn Văn T3. Ngày 09/3/2021, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 891/QĐ-UBND hủy GCNQSD đất số BP525245 do UBND huyện H cấp ngày 25/9/2013 cho ông Nguyễn Anh M.

Ngày 23/4/2021, ông B có thông báo khởi công công trình xây dựng nhà 03 tầng tại thôn D, xã D, ngày khởi công là ngày 29/4/2021, ngày dự kiến hoàn thành là ngày 25/12/2021 gửi UBND xã D. Ngày 01/05/2021, UBND xã D nhận được đơn của ông M phản ánh về việc ông B tự ý tổ chức tháo dỡ nhà cũ và xây dựng công trình mới trên thửa đất số 232 tại thôn D, xã D; đồng thời, đề nghị UBND xã D có biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm của gia đình ông B. Ông M gửi kèm theo đơn đề nghị là Giấy xác nhận số 113/XN-VKSTC-V12 ngày 22/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc nhận đơn đề nghị xem xét kháng nghị giám đốc thẩm; Phiếu chuyển đơn số 132/PC-TACC ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Sau khi nhận được phản ánh của ông M, UBND xã D đã phối hợp với đại diện lãnh đạo thôn Dậu 2 đến thực địa kiểm tra việc xây dựng công trình tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01 và đã tổ chức làm việc với gia đình ông B. Tại buổi làm việc ngày 01/5/2021 với UBND xã D, ông B không cung cấp được giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang xây dựng. Do đó, UBND xã D đã lập biên bản làm việc "đề nghị ông Nguyễn Trọng B tạm dừng thi công xây dựng công trình và tạm dừng việc phá dỡ công trình cũ cho đến khi chứng minh được quyền sử dụng tài sản và đất hợp pháp; đề nghị ông Nguyễn Trọng B cung cấp đầy đủ các giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng đất…".

Như vậy, thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01 là tài sản chung của đồng thừa kế của cụ D và cụ K chưa được phân chia theo quy định của pháp luật. Khi nhận được đơn của ông M (con trai của ông Nguyễn Văn T3) phản ánh việc ông B tự ý tổ chức tháo dỡ và xây dựng công trình trên thửa đất số 232, UBND xã D đã kiểm tra, lập biên bản đề nghị gia đình ông B tạm dừng thi công công trình trên thửa đất, cung cấp hồ sơ liên quan đến việc sử dụng đất. Tuy nhiên, ông B không cung cấp được các giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Do đó, việc UBND xã D lập Biên bản tạm dừng việc xây dựng ngày 01/5/2021 của gia đình ông B và đề nghị ông B cung cấp đầy đủ các giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng đất là đúng quy định.

Việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư của ông B: Ngày 10/5/2021, ông B gửi đơn đề nghị UBND xã thông báo bằng văn bản gửi đến ông B về thời gian ông B được tiếp tục thi công công trình trên thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01 (do ngày 01/5/2021, UBND xã D đã lập biên bản đề nghị gia đình ông tạm dừng thi công công trình). Ngày 20/5/2021, ông B tiếp tục có đơn đề nghị gửi UBND xã trả lời về việc lập biên bản dừng thi công công trình trên thửa đất tại thôn D, xã D mà ông B cho rằng ông B là người có quyền sử dụng hợp pháp. Ngày 13/5/2021, UBND xã đã tổ chức làm việc với bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Ấ (là con đẻ của cụ D và cụ K) để xác minh về nguồn gốc đất, quá trình tạo lập tài sản trên đất và thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan.

Đến thời điểm Chủ tịch UBND xã D giải quyết khiếu nại lần đầu của ông B tại Quyết định số 185/QĐ-UBND, nội dung đề nghị của ông B chưa được UBND xã trả lời. Tại Quyết định số 185/QĐ-UBND Chủ tịch UBND xã D đã khẳng định việc ông B cho rằng UBND xã D chậm giải quyết đơn thư đề nghị của ông về việc tạm dừng thi công xây dựng công trình trên thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01 là đúng một phần, đồng thời giao cán bộ địa chính xã tham mưu ban hành văn bản trả lời nội dung đề nghị của ông B gửi UBND xã ngày 10/5/2021 và ngày 20/5/2021. Tuy nhiên, UBND xã D vẫn chưa có văn bản trả lời công dân. Như vậy, đối với nội dung đơn thư đề nghị của ông B đã được UBND xã D tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ. Sau khi tiếp nhận đơn của công dân, Chủ tịch UBND xã D đã phân công cán bộ chuyên môn tham mưu giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra chính phủ. Tuy nhiên, công chức địa chính xã chưa thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch UBND xã, chưa tham mưu UBND xã văn bản trả lời công dân. Chủ tịch UBND xã với chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn là người đứng đầu UBND xã đã không đôn đốc, nhắc nhở công chức chuyên môn thực hiện nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trong việc chưa giải quyết, trả lời đơn thư của công dân. Như vậy, nội dung công dân khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã D về việc chậm giải quyết đơn thư; hành vi hành chính của UBND xã D do người đại diện theo pháp luật là ông Lý Tiến Q là Chủ tịch UBND xã D đã không thực hiện nhiệm vụ công vụ của mình

trong việc thực hiện giải quyết trả lời đơn của ông B theo trách nhiệm và thẩm quyền là đúng.

Ngày 16/5/2022, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1623/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn Trọng B đối với Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D, theo đó: Nội dung công dân khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã D lập biên bản tạm dừng việc xây dựng ngày 01/5/2021 của gia đình ông B là sai; Nội dung công dân khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã D về việc chậm giải quyết đơn thư (từ 01/5/2021 đến ngày 02/7/2021 UBND xã vẫn chưa giải quyết đơn đề nghị của ông B); Khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã D do người đại diện theo pháp luật là ông Lý Tiến Q - Chủ tịch UBND xã D đã không thực hiện nhiệm vụ công vụ của mình trong việc thực hiện giải quyết trả lời đơn của ông B (đơn kiến nghị đề nghị UBND xã trả lời về việc UBND xã đã yêu cầu gia đình ông B dừng thi công công trình) theo trách nhiệm và thẩm quyền là đúng. Việc Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1623/QĐ- UBND là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

UBND huyện H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông B đề nghị hủy Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã và UBND xã D trình bày: Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, thôn D, xã D: Nguồn gốc là đất ở tại nông thôn.

Quá trình sử dụng đất: Tại bản đồ năm 1939 và sổ mục kê phân loại đất năm 1962 thể hiện số thửa: 2199 diện tích là 940 m^2, người đứng tên chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn Văn D. Tại bản đồ năm 1986 thể hiện số thửa: 210 diện tích là 620m^2. Tại bản đồ năm 2002 và sổ mục kê phân loại đất năm 2002 thể hiện số thửa: 232, tờ bản đồ số 01, diện tích là 732,3 m^2, người đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T3 (con cụ Nguyễn Văn D).

Ngày 30/11/2012, gia đình ông T3 đã họp bàn và thống nhất cho ông T3 toàn quyền sử dụng mảnh đất của cụ D để lại. Ngày 17/06/2013, ông T3 đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất; sau đó ông T3 làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất cho con trai là ông Nguyễn Anh M và được cấp GCNQSD đất mang tên ông M vào ngày 25/09/2013.

Theo Bản án hành chính phúc thẩm số 64/2020/HC-PT; ngày 15/09/2020, UBND huyện H ban hành Quyết định số 5739/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất số BN 186362 ngày 17/06/2013 mang tên ông T3 và GCNQSD đất số BP 525245 ngày 25/09/2013 mang tên ông M.

Ngày 13/05/2021, UBND xã làm việc với bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Ấ, ông Nguyễn Văn T3 (là con đẻ của cụ D và cụ K) để xác minh về quan hệ nhân thân và nguồn gốc quá trình sử dụng đất, quá trình tạo lập tài sản trên đất tại số T, Thôn D, xã D. Tại buổi làm việc ông Nguyễn Văn T3 vắng mặt do

sức khỏe; bà H2 và bà Ấ cho biết như sau: Thửa đất tại thôn D có số thửa 232, tờ bản đồ số 01, diện tích khoảng 683,4m^2 có nguồn gốc là đất của cụ D và cụ K để lại; trước khi chết hai cụ chưa chia cho ai và không để lại di chúc. Di sản mà cụ D, cụ K để lại là toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất; bà H2 và bà Ấ không nhớ thời điểm năm cụ D và cụ K chết cụ thể năm nào. Bà H2, bà Ấ đều đồng ý giao cho ông B xây dựng lại nhà thờ.

Cụ Nguyễn Văn D và cụ Lý Thị K có 08 người con đẻ, gồm:

1. Bà Nguyễn Thị N đã chết, bà N có chồng là liệt sỹ nhưng không có con.

2. Bà Nguyễn Thị H1 (bà V): Bà H1 đã chết, bà H1 có chồng là ông Nguyễn Bá V1 đã chết: Bà H1 và ông V1 có 04 người con: ông Nguyễn Bá H3, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Bá T6, ông Nguyễn Bá L1.

3. Bà Nguyễn Thị B1 (bà G): Bà B1 đã chết, bà B1 có chồng là ông G cũng đã chết. Bà B1 và ông G có 01 người con là ông Vũ Văn T7 đã chết và ông T7 có 02 người con là: Vũ Mạnh H4 và Vũ Mạnh T8.

4. Ông Nguyễn Văn D1: là liệt sỹ chống Pháp, ông D1 có vợ là bà Nguyễn Thị G1 đã chết: ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị G1 có 01 người con đẻ là bà Nguyễn Thị S, bà S đã chết, bà S có 02 người con gái là: Trương Thị Thanh T4 và Trương Thúy N1.

5. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1933 (chết vào ngày 06/07/2021) hiện tại có một người con là ông Nguyễn Anh M.

6. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1935; Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã D, huyện H, TP .

7. Ông Nguyễn Văn U1 đã chết; ông U1 có vợ là bà Nguyễn Thị T9 và các con là: ông Nguyễn Tuấn A1, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn D4, ông Nguyễn Tuấn H5, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị N2.

8. Bà Nguyễn Thị Ấ, sinh năm 1945; Hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã D, huyện H, TP .Nội.

Ngày 23/04/2021, ông B gửi giấy thông báo khởi công đến UBND xã. Theo quy định của pháp luật việc xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ ở nông thôn thì được miễn giấy phép xây dựng (quy định tại điểm k khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng). Đối với Chủ đầu tư khi xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ ở nông thôn sẽ gửi thông báo khởi công công trình để cam kết việc đảm bảo trật tự an toàn - vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình. Trường hợp của ông B gửi thông báo khởi công công trình nhà 3 tầng kèm theo các loại giấy tờ sau (do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): CMND, Sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Trọng B (phô tô); Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 1173/2021/HSKT do CTCP tư vấn thiết kế khảo sát đo đạc và bản đồ lập ngày 19/04/2021 đã được ông B và các hộ liền kề với thửa đất xác định mốc giới, ranh giới ổn định; Vi bằng 1836/2020/VB-TPLTĐ ngày 15/08/2020; Vi

bằng 1810/2020/VB-TPLTĐ ngày 13/08/2020; Văn bản thỏa thuận lập ngày 08/07/2020.

Việc thông báo khởi công của ông B là thông báo xây dựng công trình mới trên thửa đất số 232, tại thôn D không phải là thông báo tháo dỡ và dọn dẹp công trình cũ. Vì vậy, bộ phận địa chính xã đã nhận thông báo khởi công công trình của ông B để phối hợp với đội thanh tra xây dựng huyện H thực hiện việc kiểm tra khi xây dựng công trình mới.

Ngày 01/05/2021, ông B thực hiện việc tháo dỡ công trình cũ; vào khoảng hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày, Chủ tịch UBND xã nhận được đơn đề nghị của gia đình ông Nguyễn Anh M có địa chỉ tại Phường P, quận H, thành phố Hà Nội cho rằng ông B và con trai ông B thuê máy xúc, tổ chức tháo dỡ nhà ở và là nơi thờ cúng của gia đình; hành vi của bố con ông B là phá hoại tài sản của công dân, xâm phạm chỗ ở của người khác. Ông M đề nghị UBND xã D có các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm và giải quyết sự việc trên theo quy định. Với lý do: Thửa đất số 232 tại Thôn D, xã D đã được bố ông M là ông Nguyễn Văn T3 tặng cho năm 2013 và đã được cấp GCNQSD đất đứng tên ông M. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 64/2020/HC-PT ngày 15/05/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy GCNQSD đất của ông M. Để đảm bảo quyền của người sử dụng đất ông M đang làm đơn đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao xem xét giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Vào hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày, UBND xã D tiến hành làm việc với đại diện hộ gia đình ông B tại thực địa và có thiết lập biên bản làm việc. Tại buổi làm việc ông B không cung cấp được các hồ sơ, giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng tài sản và đất hợp pháp tại thửa đất số 232, thôn D. Căn cứ vào đơn đề nghị của công dân và việc ông B không chứng minh được toàn quyền sử dụng tài sản và đất hợp pháp tại thửa đất số 232 nên UBND xã thiết lập biên bản đề nghị ông B tạm dừng việc thi công công trình và tạm dừng việc phá dỡ công trình cũ. Việc Tổ công tác UBND xã đã yêu cầu ông B tạm dừng việc tổ chức thi công xây dựng công trình trên thửa đất số 232 là để đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương và giữ nguyên hiện trạng thửa đất để các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết; đồng thời không làm phát sinh các vi phạm pháp luật khác.

Quá trình giải quyết đơn kiến nghị của ông B: UBND xã trong quá trình xem xét giải quyết liên quan đến đơn đề nghị của ông M (gửi ngày 01/05/2021). Ngày 10/05/2021, ông B có đơn đề nghị UBND xã thông báo bằng văn bản gửi đến ông B về thời gian ông B được tiếp tục thi công công trình trên thửa đất số 232 mà ông B cho rằng mình có quyền sử dụng hợp pháp. Cùng ngày, UBND xã tiếp tục nhận được đơn tố cáo của công dân liên quan đến việc ông B cùng vợ và con trai có hành vi hủy hoại tài sản trên thửa đất số 232. Sau khi nhận được đơn Chủ tịch UBND xã giao cho ông Vương Ngọc T5 là Phó Chủ tịch UBND xã chỉ đạo cán bộ tham mưu giải quyết theo quy định đối với các đơn liên quan đến vụ việc tại thửa đất số 232.

Ngày 12/05/2021, UBND xã đã có Văn bản số 01/PC-UBND chuyển đơn tố cáo của công dân liên quan đến việc gia đình ông B tự ý tháo dỡ nhà xâm hại tài sản gửi Công an xã D để xem xét, giải quyết theo quy định. Ngày 14/05/2021, Công an xã D có Thông báo số 01/TB-CADT về việc chuyển đơn tố cáo ông B đến Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm Công an huyện H để xem xét, giải quyết. Đồng thời UBND xã phối hợp với Công an xã D cung cấp các hồ sơ tài liệu để cơ quan Công an điều tra xem xét, giải quyết vụ việc. Đến nay vẫn chưa có thông báo trả lời của Công an điều tra liên quan đến việc tố cáo về hành vi hủy hoại tài sản của ông B.

Ngày 15/05/2021, UBND xã tiến hành làm việc với ông M là người có đơn đề nghị và là người con duy nhất của ông Nguyễn Văn T3. Ông M đề nghị gia đình ông B phải khôi phục lại nguyên trạng nhà đã tháo dỡ để các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Trường hợp ông B không hợp tác thì đề nghị công an giải quyết theo quy định.

Trên cơ sở đánh giá tài liệu mà các bên cung cấp cho thấy tại Vi bằng số 1836, Vi bằng số 1810 có 14 người thuộc hàng thừa kế của cụ D và cụ K thỏa thuận, thống nhất và xác lập văn bản thỏa thuận liên quan đến phần quyền tài sản mà các hàng thừa kế được hưởng thừa kế theo kỷ phần liên quan đến thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, thôn D, xã D giao cho ông B. Tại văn bản thỏa thuận lại có 15 người thuộc hàng thừa kế ký tên vào văn bản thỏa thuận (ông Nguyễn Bá T6 ký tên vào văn bản thỏa thuận nhưng chưa được cơ quan thừa phát lại lập vi bằng công nhận). Xem xét văn bản thỏa thuận ngày 08/07/2020 cho thấy không có chữ ký và ý kiến của ông Nguyễn Văn T3 là hàng thừa kế thứ nhất và bà Nguyễn Thị L (con bà Nguyễn Thị H1) là hàng thừa kế thứ hai của cụ D và cụ K. UBND xã nhận thấy nội bộ gia đình đang có sự chưa đồng thuận và tại thời điểm xảy ra vụ việc ông Nguyễn Văn T3 sức khỏe yếu. UBND xã đã trao đổi, giải thích trên cơ sở quy định pháp luật đối với ông B về giá trị pháp lý của vi bằng và định hướng hai bên có sự thỏa thuận, thống nhất trong nội bộ gia đình. Đồng thời UBND xã chờ kết quả điều tra của cơ quan công an về hành vi hủy hoại tài sản theo nội dung đơn tố cáo của công dân.

Đến ngày 20/05/2021, UBND xã tiếp tục nhận được đơn đề nghị của ông B đề nghị UBND xã trả lời về việc lập biên bản dừng thi công công trình trên thửa đất số 232. Gia đình ông B không đề nghị UBND xã tiến hành hòa giải, giải quyết mâu thuẫn phát sinh giữa hai bên mà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND xã không có thẩm quyền giải quyết tiếp vụ việc và đã hướng dẫn các bên chuyển Tòa án giải quyết theo quy định.

Ngày 07/06/2021, Bộ phận tiếp dân nhận được Văn bản số 49/PC-BTCD ngày 01/06/2021 của Ban tiếp công dân huyện H chuyển đơn khiếu nại của ông B.

Ngày 09/06/2021, UBND xã tổ chức buổi làm việc với ông B, UBND xã đã trả lời làm rõ về việc thiết lập biên bản tạm dừng thi công trình là do UBND xã nhận được đơn đề nghị của ông M cho rằng việc tháo dỡ công trình của ông

B là hành vi hủy hoại tài sản. Và sau khi xác minh và xem xét vụ việc cho thấy thửa đất có nguồn gốc do các cụ để lại chưa có sự thống nhất chia cho ai nên UBND xã tạm dừng xây dựng và giữ nguyên hiện trạng để các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định. Việc UBND xã chưa ban hành văn bản trả lời đơn theo quy trình giải quyết đơn là việc thiếu sót trong quy trình giải quyết đơn thư.

Quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông B lần đầu: Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, UBND xã đã tiến hành làm việc với người khiếu nại và làm rõ nội dung khiếu nại. Ngày 17/07/2021, Chủ tịch UBND xã D ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Trọng B. Chủ tịch UBND xã đã thực hiện đúng theo quy định của Luật khiếu nại.

Quan điểm của UBND xã về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Không đồng ý với yêu cầu hủy Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/05/2022 của Chủ tịch UBND huyện H, thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B lần 2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh M trình bày: Ngày 17/6/2013, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất số BN186362 cho ông Nguyễn Văn T3 được sở hữu diện tích 683,4 m^2 tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 1, tại thôn D, xã D. Nguồn gốc nhà đất là do cụ Nguyễn Văn D (bố đẻ của ông T3) để lại; cụ D mất năm 1965, cụ bà Lý Thị K mất năm 1973. Hai cụ đẻ được 8 người con, trong đó 5 người đã mất, chỉ còn ông Nguyễn Văn T3, Bà Nguyễn Thị H2 và Bà Nguyễn Thị Ất .

Ngày 30/11/2012, ông T3, bà H2 và bà Ấ đã lập Biên bản họp gia đình thống nhất cho ông T3 toàn quyền sử dụng và sở hữu phần di sản của cụ D và cụ K để lại là diện tích 683,4 m^2 tại thửa đất số 232. Ông T3 kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất số BN186362 vào ngày 17/6/2013. Sau đó, ông Tân l hợp đồng tặng cho tài sản cho con trai là ông Nguyễn Anh M. Ngày 25/9/2013, ông M được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất số BN525245.

Quá trình giải quyết vụ kiện tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác minh và kết luận: Trình tự thủ tục, đối tượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện H cho ông Nguyễn Văn T3 số BN186362 vào ngày 17/6/2013 và số BN525245 ngày 25/9/2013 sang tên ông Nguyễn Anh M là đúng quy định của Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Không có căn cứ để hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của người khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án, UBND huyện H và UBND xã D cũng đã cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện việc xác minh nguồn gốc đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

T3 và ông M là đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của UBND huyện H và UBND xã D là ban hành quyết định hành chính đúng pháp luật.

Ông B khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D. Các cơ quan có thẩm quyền đã xác minh, thẩm tra thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn T3 cũng như chuyển sang cho ông M là đúng quy trình, đúng pháp luật. Ông đề nghị bác đơn khởi kiện của ông B. Đồng thời, đình chỉ việc khởi kiện vì đã hết thời hiệu khởi kiện hành chính và giữ nguyên 2 giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông T3 và ông M đã được pháp luật nhà nước công nhận hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của hành vi hành chính và hủy bỏ 02 quyết định hành chính sau: Hành vi hành chính của UBND xã D lập Biên bản tạm dừng việc xây dựng ngày 01/05/2021; Hủy Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu); Hủy Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai); Yêu cầu chính quyền các cấp bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra tổng số tiền 500.248.000 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 328/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 89, Điều 118 Luật xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; các Điều 17,18, 27, 28, 29, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B gồm:

- Tuyên bố hành vi của UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội là trái pháp luật.

- Hủy toàn bộ 02 quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan gồm: Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu); Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai).

2. Buộc UBND xã D chấm dứt hành vi yêu cầu ông B tạm dựng xây dựng nhà ở riêng lẻ trái pháp luật và tạo điều kiện cho ông Nguyễn Trọng B tiếp tục thi công công trình nhà ở riêng lẻ tại tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội theo đúng Thông báo khởi công công trình ông B gửi UBND xã D ngày 23/4/2021 cùng hồ sơ giấy tờ kèm theo Thông báo.

3. Không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B đề nghị Tòa án buộc chính quyền các cấp bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra cho gia đình ông B với số tiền 500.248.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, người bị kiện là UBND xã D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Anh M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lý Tiến Q là người đại diện hợp pháp của người bị kiện là UBND xã D đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B.

Ông Nguyễn Anh M đề nghị không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B.

Ông Nguyễn Trọng B đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, thành phố Hà Nội và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh M; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 328/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại H; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông Nguyễn Trọng B yêu cầu: Tuyên bố hành vi của UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội là trái pháp luật; Hủy các Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu); và Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai); Buộc chính quyền các cấp bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra cho gia đình ông B với số tiền 500.248.000 đồng. Đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét hành vi hành chính của UBND xã D lập Biên bản làm việc yêu cầu tạm dừng việc xây dựng ngày 01/05/2021, thấy rằng:

Về thẩm quyền thực hiện hành vi hành chính bị kiện: Theo khoản 5 Điều 56 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, UBND xã có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn của địa phương mình; tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND xã D có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn xã D.

Về nội dung của hành vi hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 23/04/2021, ông B gửi Thông báo khởi công công trình đến UBND xã D về việc khởi công công trình nhà 3 tầng tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn D, xã D, ngày khởi công 29/4/2021, ngày hoàn thành 25/12/2021. Theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng, việc xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ ở nông thôn thì được miễn giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, việc xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại nông thôn phải phù hợp quy hoạch sử dụng đất tại địa phương, đảm bảo đủ điều kiện được cấp phép xây dựng, phù hợp các quy định pháp luật về đất đai và đảm bảo quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của các cá nhân khác có liên quan.

Ngày 01/05/2021, UBND xã D nhận được đơn của ông Nguyễn Anh M phản ánh về việc ông Nguyễn Trọng B có hành vi thuê máy xúc, tổ chức phá hoại tài sản của công dân, xâm phạm chỗ ở của người khác và xây dựng công trình mới trên thửa đất số 232 tại thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội

thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Anh M. Đồng thời, đề nghị UBND xã D có biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm của gia đình ông B. Ông Nguyễn Anh M gửi kèm theo đơn đề nghị là Giấy xác nhận số 113/XN-VKSTC-V12 ngày 22/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc nhận đơn đề nghị xem xét kháng nghị giám đốc thẩm; Phiếu chuyển đơn số 132/PC-TACC ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Sau khi nhận được phản ánh của ông Nguyễn Anh M, UBND xã D đã phối hợp với đại diện lãnh đạo thôn Dậu 2 đến thực địa kiểm tra việc xây dựng công trình tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, thôn D, xã D và đã tổ chức làm việc với gia đình ông Nguyễn Trọng B - là chủ đầu tư xây dựng công trình. Tại buổi làm việc ngày 01/5/2021, ông Nguyễn Trọng B không cung cấp được giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang xây dựng. Do đó, UBND xã D đã thiết lập biên bản làm việc có nội dung: *"UBND xã nhận được đơn kiến nghị của công dân về việc ông Nguyễn Trọng B xây dựng trên thửa đất 232 không hợp pháp, đang tranh chấp chưa có quyết định giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. UBND xã D yêu cầu gia đình tạm dừng việc triển khai xây dựng đến ngày 04/5/2021 xuất trình đầy đủ hồ sơ tài liệu liên quan đến việc sử dụng đất để xem xét, giải quyết theo quy định. Trong thời gian chưa xuất trình được đầy đủ hồ sơ tài liệu đề nghị gia đình tạm dừng việc thi công xây dựng. Nếu gia đình cố tình xây dựng thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật"*.

Căn cứ vào lời khai thống nhất của các đương sự và kết quả xác minh của chính quyền địa phương thể hiện thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, thôn D, xã D có nguồn gốc là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn D và cụ Lý Thị K để lại chưa chia. Ông B cung cấp các Vi bằng 1836/2020/VB-TPLTĐ ngày 15/08/2020; Vi bằng 1810/2020/VB-TPLTĐ ngày 13/08/2020 và Văn bản thỏa thuận lập ngày 08/07/2020. Tuy nhiên, đây không phải là văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế hợp pháp có đầy đủ các đồng thừa kế của cụ D, cụ K thống nhất thỏa thuận, giao quyền sử dụng, định đoạt đất và tài sản trên đất cho ông B. Vì không có chữ ký và ý kiến của ông Nguyễn Văn T3 là hàng thừa kế thứ nhất và bà Nguyễn Thị L (con bà Nguyễn Thị H1) là hàng thừa kế thứ hai của cụ D và cụ K. Vì vậy, việc ông B tự ý phá dỡ tài sản và xây dựng trên khối di sản của cụ D, cụ K khi chưa có đầy đủ ý kiến của các hàng thừa kế của cụ D, cụ K trong đó có ông T3, bà L là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông T3, bà L được pháp luật bảo vệ. Do ông B không xuất trình được giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang xây dựng nên UBND xã D đã lập biên bản yêu cầu ông Nguyễn Trọng B tạm dừng việc tổ chức thi công xây dựng công trình trên thửa đất số 232 tại thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội là để đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương và giữ nguyên hiện trạng thửa đất để các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Đồng thời không làm phát sinh các vi phạm pháp luật khác. Đồng thời, ngày 12/05/2021 UBND xã đã có văn bản số 01/PC-UBND ngày 12/05/2021 về việc chuyển đơn tố cáo của công dân liên quan đến việc gia đình ông B tự ý tháo dỡ nhà xâm hại tài sản gửi công an xã D để xem xét, giải quyết theo quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng để áp dụng trong trường hợp này là không phù hợp do các quy định này chỉ áp dụng đối với những dự án công trình yêu cầu phải có giấy phép xây dựng khi có sai phạm với Giấy phép xây dựng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định UBND xã D không có thẩm quyền yêu cầu tạm dừng việc xây nhà ở riêng lẻ tại đất ở nông thôn là không đúng quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 56 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Điều 22 Luật đất đai.

Do vậy, việc UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D và đề nghị ông B cung cấp đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp là đúng quy định, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B tuyên bố hành vi của UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232 là trái pháp luật; và không có cơ sở buộc UBND xã D tạo điều kiện cho ông Nguyễn Trọng B tiếp tục thi công công trình nhà ở riêng lẻ tại tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D theo đúng Thông báo khởi công công trình ông B gửi UBND xã D ngày 23/4/2021 cùng hồ sơ giấy tờ kèm theo Thông báo.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 185/QĐ-CT ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu), thấy rằng:

Xét về thẩm quyền: Quyết định số 185/QĐ-CT ngày 17/7/2021 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011.

Xét về trình tự ban hành: Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông B, người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, giao cho Tổ xác minh tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Chủ tịch UBND xã D đã không tiến hành đối thoại với công dân mà căn cứ vào kết quả xác minh để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là vi phạm trình tự, thủ tục quy định khoản Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011, tuy nhiên, tại phần quyết định không thể hiện rõ các nội dung cần giải quyết đối với khiếu nại của công dân.

Tuy nhiên, xét toàn bộ nội dung Quyết định số 185/QĐ-UBND đã xem xét đầy đủ các nội dung khiếu nại của ông B gồm: Khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã không thực hiện giải quyết đơn của ông B theo trách nhiệm, thẩm quyền; Khiếu nại hành vi hành chính của U2 biên bản dừng việc xây dựng ngày 01/5/2021; Khiếu nại hành vi của UBND xã chậm giải quyết đơn các ngày 10,

11, 20/5/2021 với nội dung đề nghị của gia đình về tạm dừng thi công xây dựng. Hội đồng xét xử thấy Quyết định số 185/QĐ-CT ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu) đảm bảo về hình thức văn bản, ban hành đúng thẩm quyền có sai sót không tuân thủ theo trình tự, thủ tục và hình thức. Tuy nhiên, những sai sót này đã được khắc phục tại Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai). Mặt khác, theo phân tích tại mục [2] nêu trên thì việc UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D và đề nghị ông B cung cấp đầy đủ các giấy tờ chứng mình quyền sử dụng đất hợp pháp là đúng quy định. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc hủy Quyết định số 185/QĐ-CT ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu).

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai), thấy rằng:

Về thẩm quyền: Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 được ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Về trình tự ban hành: Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông B, Chủ tịch UBND huyện H đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và giao cho Thanh tra huyện tiến hành xác minh nội dung khiếu nại lần 2. Ngày 13/5/2022, Thanh tra huyện có Báo cáo số 25/BC-TTr kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, đối thoại, Chủ tịch UBND huyện H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng trình tự, thủ tục quy định Điều 36, 37, 38, 39 Luật khiếu nại năm 2011. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Xét tính hợp pháp về nội dung ban hành quyết định, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 1632: Theo phân tích tại mục [2] nêu trên thì hành vi của UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D là đúng quy định pháp luật. Do đó, Quyết định số 1632 giữ nguyên một phần nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã D đối với nội dung ông Nguyễn Trọng B khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã D lập biên bản tạm dừng việc xây dựng ngày 01/5/2021 là có căn cứ pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc hủy Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai).

[5] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra với tổng số tiền 500.248.000 đồng, thấy rằng chứng cứ ông B cung cấp để chứng minh cho các thiệt hại là bản kê viết tay và các hợp đồng photo không có chứng thực nên không được xác định là chứng cứ chứng minh theo quy định của Luật tố

tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện. Ông B có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác đối với yêu cầu trên khi đã có đủ các chứng cứ xác thực theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B: Tuyên bố hành vi của UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội là trái pháp luật; Hủy toàn bộ 02 quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan gồm: Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu); Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai); Buộc UBND xã D chấm dứt hành vi yêu cầu ông B tạm dựng xây dựng nhà ở riêng lẻ trái pháp luật và tạo điều kiện cho ông Nguyễn Trọng B tiếp tục thi công công trình nhà ở riêng lẻ tại tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội theo đúng Thông báo khởi công công trình ông B gửi UBND xã D ngày 23/4/2021 cùng hồ sơ giấy tờ kèm theo Thông báo; là không đúng pháp luật. Xét kháng cáo của UBND xã D, huyện H, thành phố Hà Nội và kháng cáo của ông Nguyễn Anh M là có cở sở cần chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Trọng B được miễn án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm. Ủy ban nhân dân xã D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D và ông Nguyễn Anh M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, thành phố Hà Nội và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh M; sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 328/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 89, Luật xây dựng năm 2014; Luật ửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Điều 22 Luật Đất đai; Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Điều 17,18, 27, 28, 29, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011.

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B gồm:

- Tuyên bố hành vi của UBND xã D lập Biên bản làm việc ngày 01/5/2021 yêu cầu ông B tạm dừng xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01, diện tích 683,4m^2, địa chỉ thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội là trái pháp luật.

- Hủy các Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND xã D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần đầu); và Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng B (lần hai).

- Buộc chính quyền các cấp bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra cho gia đình ông B với số tiền 500.248.000 đồng.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trọng B được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, Ủy ban nhân dân xã D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Ủy ban nhân dân xã D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D và ông Nguyễn Anh M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002930 ngày 18/10/2023, 0002921 ngày 17/10/2023 và 0002913 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu HS, Phòng HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hồng Sơn **Phan Thị Vân Hương** **Lê Thị Thúy Bình**